

ULTRASYNTH ATOX (RANGE)

SYNTHETIC MULTIPURPOSE LUBRICANT

MÔ TẢ

Dầu bôi trơn được pha chế với gốc dầu tổng hợp (PAO) và các chất phụ gia đặc biệt được FDA phê duyệt cho tiếp xúc ngẫu nhiên với thực phẩm.

ỨNG DỤNG

Thích hợp cho tiếp xúc ngẫu nhiên với thực phẩm trong ngành công nghiệp thực phẩm, đồ uống, dược phẩm và mỹ phẩm.

ULTRASYNTH ATOX 15/32/46/68

⇒ hệ thống thủy lực, ổ trục, bơm, xích, bánh răng chịu tải nhẹ và máy nén trục vít.

ULTRASYNTH ATOX 100/150/220/320

⇒ ổ trục, bơm, xích, bánh răng và máy nén.

ULTRASYNTH ATOX 460/680

⇒ ổ trục, bánh răng, xích, hệ thống tuần hoàn và cơ cấu hở.

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Độ ổn định oxy hóa cao, tránh hình thành cặn và lớp màng.
- Hiệu suất bôi trơn tuyệt vời trong phạm vi nhiệt độ rộng.
- Khả năng bảo vệ cao chống ma sát và mài mòn.
- Khả năng tách nhũ tương tốt, cho phép tách nước dễ dàng.
- Không làm ố kim loại, bao gồm cả hợp kim nhôm và đồng.
- Khả năng tương thích rất tốt với gioăng hoặc ống dẫn.

CẤP CHẤT LƯỢNG:

- Thủy lực: ISO 6743-4 HV, DIN 51524-3 HVLP, HF-0
- Bánh răng: DIN 51517 Part 3 CLP, ISO 6743/6 - CKS
- Máy nén: DIN 51506 VDL
- Chứng nhận NSF-H1 / HALAL / Kosher



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

	Norma	Valores típicos									
ISO VG		15	32	46	68	100	150	220	320	460	680
Appearance		Clear yellow transparent									
Colour	ASTM D 1500	< 0,5									
Density at 15°C.	ASTM D-4052	0,82	0,84	0,841	0,844	0,849	0,85	0,857	0,852	0,863	0,865
Viscosity at 40°C. cSt	ASTM D-7042	16,4	35,2	46,1	66,2	94,6	141,2	228,3	311,6	455,6	649
Viscosity at 100°C. cSt	ASTM D 7042	3,87	6,7	8,26	10,6	13,86	18,7	26,3	33,1	41,8	52,5
Viscosity index	ASTMD-2270	130	150	153	148	149	149	148	148	142	139
Pour point, °C	ASTM D-97	<-60	-54	-54	-54	-50	-50	-50	-45	-31	-28
Flash point, °C	ASTM D-92	226	250	255	260	265	270	275	280	285	285
4 ball welding load, Kg	ASTM D-2783	200	200	200	200	200	200	200	200	200	200
Wear scar, mm	ASTM D-4172	0,40	0,36	0,34	0,34	0,34	0,32	0,32	0,30	0,30	0,30
Demulsification rate Maximum time (minutes) for 40/37/3 (ml oil/water/emulsion)	ASTM D 1401	5	5	7	10	20	30	-	-	-	-
Copper corrosion, 3h at 100°C	ASTM D-130	1a	1a	1a	1a	1a	1a	1a	1a	1a	1a

Thông tin được cung cấp trong tài liệu này dựa trên kiến thức tốt nhất của chúng tôi tại thời điểm sửa đổi được chỉ định và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Thông tin này không miễn trừ người dùng khỏi việc thử nghiệm sản phẩm trong ứng dụng của riêng họ. Dữ liệu được chỉ định thể hiện giá trị trung bình và không cấu thành thông số kỹ thuật của sản phẩm. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ Bộ phận Hỗ trợ Kỹ thuật của COGELSA. COGELSA không chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do sử dụng sản phẩm không đúng cách gây ra.

COMPANIA GENERAL DE LUBRICANTES, S.A.
C/ Comercio, 36 P.I. Can Sunyer
08740 Sant Andreu de la Barca, Barcelona, Spain
Telf. +34 93 682 22 20 Fax. +34 93 682 00 55
comercial@cogelsa.com

Export:
Telf. +34 93 635 60 50
export@cogelsa.com
www.cogelsa.com

